

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-PT

Ngày 28-8-2025

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Lại Thị Hiếu;
Ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc Xin ly hôn. Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sông Thị D, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Bản H, xã P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng A H, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Bản H, xã P, tỉnh Sơn La. Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo : Bị đơn anh Giàng A H1

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sông Thị D trình bày như sau:**

Chị và anh Giàng A H tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 17/10/2016. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa

thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện chất ma túy, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A H.

Về con chung: Chị và anh Giàng A H có ba con chung là cháu Giàng A D1, sinh ngày 29/12/2012; cháu Giàng Thị T, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 12/10/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/03/2025 anh Giàng A H trình bày:

Anh và chị Sòng Thị D tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 17/10/2016. Anh chị phát sinh mâu thuẫn là do anh nghiện ma túy phải đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La thời hạn 24 tháng từ tháng 11 năm 2024. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D anh không đồng ý nhưng không có phương án nào để hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Anh và chị D có ba con chung là cháu Giàng A D1, sinh ngày 29/12/2012; cháu Giàng Thị T, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 12/10/2014. Do anh đang phải cai nghiện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy nên đồng ý giao cả ba con chung cho chị D nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, hiện nay anh không có khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Sòng Thị D và anh Giàng A H.
2. Về con chung: Chị Sòng Thị D và anh Giàng A H có ba con chung là cháu Giàng A D1, sinh ngày 29/12/2012; cháu Giàng Thị T, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 12/10/2014.

Giao cháu D1, cháu T, cháu L cho chị Sòng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D1, cháu T, cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có

khả năng lao động. Chấp nhận chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị D, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2025 anh Giàng A H1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của nguyên đơn chị Sông Thị D: Không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La).

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Giàng A H1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn anh Giàng A H1 làm trong hạn luật định, thoả mãn về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh Giàng A H1 là người kháng cáo, ngày 15/8/2025 có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Giàng A H1. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là xin ly hôn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn anh Giàng A H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Sông Thị D và anh Giàng A H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2016. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng là do anh H nghiện ma túy, thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát. quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị D và anh H với Ban Q, xã N. Kết quả xác minh: Chị D, anh H đăng ký kết hôn năm 2016, thời gian chung sống hai bên thường xuyên mâu thuẫn, xảy ra cãi vã xô xát, ban quản lý bản phải hòa giải cho anh H chị D nhiều lần. Tháng 11 năm 2024 anh H bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Anh chị có ba con chung là cháu Giàng A D1, sinh năm 2012; cháu Giàng Thị T, sinh 2010 và cháu Giàng Thị L, sinh năm 2014, hiện nay cháu đang sống với chị D, các cháu đang học ở trường tiểu học V. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các bên và con chung chưa thành niên.

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm mặc dù đã được khuyên giải nhưng chị D xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh H không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị D nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Giàng A H, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La).

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh Giàng A H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về con chung, tài sản chung, án phí và chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Giàng A H, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La).

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Giàng A H được miễn án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/8/2025).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Phòng GDKT, TT và THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Hiền